

Bản án số: 532/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2019

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2/ Bà Đỗ Thị A.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 445/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 248/32 đường N, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Ông Phạm Quang H, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 338/9/4 đường Đ, phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày: Bà và ông Phạm Quang H chung sống với nhau có làm đăng ký kết hôn ngày 19/3/1996 tại ủy ban nhân dân xã A, huyện E, Thành

phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp. Đã ly thân từ tháng 11/2016 và bà đã ra ở riêng từ đó cho đến nay. Bà xác định tình cảm đối với ông H không còn xin được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung, Phạm Minh P sinh ngày 19/8/2001 và Phạm Phú V sinh ngày 04/9/2012. Hiện hai con đang ở với ông H, bà đồng ý giao hai con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con xin tự cấp dưỡng theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

* *Bị đơn ông Phạm Quang H:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có lời khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà L xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ, do ông H vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải; vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Phạm Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Xét đơn khởi kiện tranh chấp “Ly hôn” của nguyên đơn bà L với bị đơn ông H, do bị đơn ông H cư trú tại quận X (*theo kết quả trả lời xác minh ngày 24/4/2019 của công an phường L, quận X “Đương sự Phạm Quang H, sinh năm 1973 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư ngụ tại 338/9/4 đường Đ, phường L, quận X”*), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân Quận 10 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn ông H, nhưng bị đơn ông H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

Căn cứ giấy kết hôn số 22 ngày 19/3/1996 do ủy ban nhân dân xã A, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh (*bản trích lục kết hôn số 162/TLKH-BS ngày 14/3/2019*) cấp có cơ sở xác định bà L và ông H là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đặt yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo bà L trình bày bà và ông H chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, tình cảm đối với nhau không còn, đôi bên đã ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Về phía ông H trong suốt quá trình thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H cũng không đến Tòa để hòa giải, qua đó chứng tỏ tình cảm của ông H đối với bà L cũng không còn, nên ông cũng không tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân hiện tại, là có cơ sở phù hợp với lời khai của bà L về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, nếu mối quan hệ hôn nhân của bà L và ông H có tồn tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà L, xét xử cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có hai con chung, Phạm Minh P sinh ngày 19/8/2001 và Phạm Phú V sinh ngày 04/9/2012. Hiện hai con đang ở với ông H, bà đồng ý giao hai con cho ông H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bà L khai có hai con chung hiện đang ở với ông H, nay bà đồng ý giao hai con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà L không trái luật, mặt khác ông H cũng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, tuy nhiên đối với trẻ Phạm Minh P sinh ngày 19/8/2001

đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trẻ Phạm Phú V sinh ngày 04/9/2012 Hội đồng xét xử giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, xin tự cấp dưỡng nuôi con theo khả năng, hơn nữa do ông H vắng mặt tại Tòa nên cũng không xác định được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông H. Do vậy, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của bà L. Khi nào ông H có yêu cầu thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Về tài sản chung: Theo bà L khai không có, nên không có gì để Tòa giải quyết.

Về nợ: Theo bà L khai không có, nên không có gì để Tòa giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Ngọc L chịu theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0017212 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 84 luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc L về việc tranh chấp “Ly hôn” với bị đơn ông Phạm Quang H,

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc L được ly hôn với ông Phạm Quang H.

1.2. Về con chung: Có hai con chung, Phạm Minh P sinh ngày 19 tháng 8 năm 2001 (*đã thành niên*) và Phạm Phú V sinh ngày 04 tháng 9 năm 2012. Giao trẻ Phạm Phú V sinh ngày 04 tháng 9 năm 2012 cho ông Phạm Quang H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Ngọc L.

Bà Trần Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Theo bà Trần Ngọc L khai không có.

1.4. Về nợ: Theo bà Trần Ngọc L khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Ngọc L chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn bà Trần Ngọc L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0017212 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bà Trần Ngọc L. Đối với ông Phạm Quang H, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- THADS Q.10;
- UBND xã A
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chính